

## LỊCH THI HỌC KỲ II NĂM HỌC 2007-2008 KHÓA 42

### I. HỌC PHẦN BẮT BUỘC

#### 1, Học phần: Quản trị học(1.3) - 3 tín chỉ

TT	Lớp học phần	Mã lớp HP	SLSV	Ngày ôn	Ngày thi	Ca thi	Hội trường	Ghi chú
1	Quản trị học(1.3) 1	L1.BMGM 0111	120	27/5	27/6	Ca 3	V101,V103	SV có stt từ 1-60: V101; từ 61 trở đi: V103
2	Quản trị học(1.3) 3	L3.BMGM 0111	211	27/5	27/6	Ca 4	H1	03 phòng
3	Quản trị học(1.3) 5	L5.BMGM 0111	116	27/5	23/6	Ca 3	V101,V103	SV có stt từ 1-60: V101; từ 61 trở đi: V103
4	Quản trị học(1.3) 6	L6.BMGM 0111	82	27/5	23/6	Ca 4	V101,V102	SV có stt từ 1-41: V101; từ 42-52: V102

#### 2, Học phần: Khoa học quản lý - 2 tín chỉ

1	Khoa học quản lý 1	L1.BMGM 0711	120	27/5	24/6	Ca 3	V101,V103	SV có stt từ 1-60: V101; từ 61 trở đi: V103
2	Khoa học quản lý 2	L2.BMGM 0711	118	27/5	24/6	Ca 3	V104,V201	SV có stt từ 1-60: V104; từ 61 trở đi: V201
3	Khoa học quản lý 3	L3.BMGM 0711	108	27/5	24/6	Ca 4	V101,V103	SV có stt từ 1-50: V101; từ 51 trở đi: V103

#### 3, Học phần: Kinh tế doanh nghiệp thương mại, dịch vụ - 2 tín chỉ

1	Kinh tế doanh nghiệp TM, DV 1	L1.BMGM 1011	120	27/5	17/6	Ca 3	V101,V103	SV có stt từ 1-60: V101; từ 61 trở đi: V103
2	Kinh tế doanh nghiệp TM, DV 2	L2.BMGM 1011	120	27/5	17/6	Ca 3	V104,V201	SV có stt từ 1-60: V104; từ 61 trở đi: V201
3	Kinh tế doanh nghiệp TM, DV 3	L3.BMGM 1011	159	27/5	17/6	Ca 4	V101,V103	SV có stt từ 1-80: V101; từ 81 trở đi: V103
4	Kinh tế doanh nghiệp TM, DV 4	L4.BMGM 1011	120	27/5	16/6	Ca 3	V101,V103	SV có stt từ 1-60: V101; từ 61 trở đi: V103
5	Kinh tế doanh nghiệp TM, DV 5	L5.BMGM 1011	109	27/5	16/6	Ca 3	V104,V201	SV có stt từ 1-60: V104; từ 61 trở đi: V201
6	Kinh tế doanh nghiệp TM, DV 6	L6.BMGM 1011	183	27/5	16/6	Ca 4	H1	03 phòng

#### 4, Học phần: Luật kinh tế và thương mại(1.2) - 2 tín chỉ

1	Luật kinh tế và thương mại(1.2)1	L1.TLAW 0411	120	27/5	26/6	Ca 3	V101,V103	SV có stt từ 1-60: V101; từ 61 trở đi: V103
2	Luật kinh tế và thương mại(1.2)2	L2.TLAW 0411	105	27/5	26/6	Ca 3	V104,V201	SV có stt từ 1-60: V104; từ 61 trở đi: V201
3	Luật kinh tế và thương mại(1.2)3	L3.TLAW 0411	60	27/5	26/6	Ca 4	V101	

#### 5, Học phần: Luật kinh tế và Thương mại (kế toán) (1.3) - 3 tín chỉ

1	Luật kinh tế và kế toán (1.3) 1	L1.TLAW 0311	111	27/5	20/6	Ca 3	V101,V103	SV có stt từ 1-60: V101; từ 61 trở đi: V103
2	Luật kinh tế và kế toán (1.3) 2	L2.TLAW 0311	110	27/5	20/6	Ca 3	V104,V201	SV có stt từ 1-60: V104; từ 61 trở đi: V201
3	Luật kinh tế và kế toán (1.3) 3	L3.TLAW 0311	109	27/5	20/6	Ca 4	V101,V103	SV có stt từ 1-60: V101; từ 61 trở đi: V103
4	Luật kinh tế và kế toán (1.3) 4	L4.TLAW 0311	108	27/5	20/6	Ca 4	V104,V201	SV có stt từ 1-60: V104; từ 61 trở đi: V201

#### 6, Học phần: Tổng quan du lịch(1.2) - 2 tín chỉ

1	Tổng quan du lịch(1.2) 1	L1.TEMG 0111	109	27/5	16/6	Ca 3	V202,V203	SV có stt từ 1-60: V202; từ 61 trở đi: V203
2	Tổng quan du lịch(1.2) 2	L2.TEMG 0111	114	27/5	16/6	Ca 3	V204,V301	SV có stt từ 1-60: V204; từ 61 trở đi: V301
3	Tổng quan du lịch(1.2) 3	L3.TEMG 0111	163	27/5	16/6	Ca 4	H2,V101	SV có stt từ 1-100: H2; từ 101 trở đi: V101

#### 7, Học phần: Marketing căn bản(1.3) - 3 tín chỉ

1	Marketing căn bản(1.3) 1	L1.BMKT 0111	120	27/5	26/6	Ca 4	V103,V104	SV có stt từ 1-60: V103; từ 61 trở đi: V104
2	Marketing căn bản(1.3) 2	L2.BMKT 0111	120	27/5	26/6	Ca 3	V202,V203	SV có stt từ 1-60: V202; từ 61 trở đi: V203
3	Marketing căn bản(1.3) 3	L3.BMKT 0111	116	27/5	26/6	Ca 3	V204,V301	SV có stt từ 1-60: V204; từ 61 trở đi: V301
4	Marketing căn bản(1.3) 4	L4.BMKT 0111	120	27/5	24/6	Ca 4	V104,V201	SV có stt từ 1-60: V104; từ 61 trở đi: V201
5	Marketing căn bản(1.3) 5	L5.BMKT 0111	120	27/5	24/6	Ca 4	V202,V203	SV có stt từ 1-60: V202; từ 61 trở đi: V203

TT	Lớp học phần	Mã lớp HP	SLSV	Ngày ôn	Ngày thi	Ca thi	Hội trường	Ghi chú
6	Marketing căn bản(1.3) 6	L6.BMKT 0111	80	27/5	24/6	Ca 3	H1	
7	Marketing căn bản(1.3) 7	L7.BMKT 0111	59	27/5	24/6	Ca 3	V203	
8	Marketing căn bản(1.3) 8	L8.BMKT 0111	114	27/5	17/6	Ca 3	V202,V203	SV có stt từ 1-60: V202; từ 61 trở đi: V203
9	Marketing căn bản(1.3) 9	L9.BMKT 0111	119	27/5	17/6	Ca 4	V104,V201	SV có stt từ 1-60: V104; từ 61 trở đi: V201
10	Marketing căn bản(1.3) 11	L11.BMKT 0111	111	27/5	18/6	Ca 4	V101,V103	SV có stt từ 1-60: V101; từ 61 trở đi: V103
11	Marketing căn bản(1.3) 12	L12.BMKT 0111	110	27/5	18/6	Ca 4	V104,V201	SV có stt từ 1-60: V104; từ 61 trở đi: V201
12	Marketing căn bản(1.3) 13	L13.BMKT 0111	109	27/5	18/6	Ca 3	V101,V103	SV có stt từ 1-60: V101; từ 61 trở đi: V103
13	Marketing căn bản(1.3) 14	L14.BMKT 0111	107	27/5	18/6	Ca 3	V104,V201	SV có stt từ 1-60: V104; từ 61 trở đi: V201
<b>8, Học phần: Hành vi mua của khách hàng - 2 tín chỉ</b>								
1	Hành vi mua của khách hàng 1	L1.BMKT 1211	230	27/5	20/6	Ca 3	H1	03 phòng
2	Hành vi mua của khách hàng 3	L3.BMKT 1211	191	27/5	20/6	Ca 4	H1	03 phòng
<b>9, Học phần: Nguyên lý kế toán (1.3) - 3 tín chỉ</b>								
1	Nguyên lý kế toán(1.3) 1	L1.FACC 0111	120	27/5	24/6	Ca 3	V204,V301	SV có stt từ 1-60: V204; từ 61 trở đi: V301
2	Nguyên lý kế toán(1.3) 2	L2.FACC 0111	120	27/5	24/6	Ca 3	V303,V304	SV có stt từ 1-60: V303; từ 61 trở đi: V304
3	Nguyên lý kế toán(1.3) 3	L3.FACC 0111	120	27/5	24/6	Ca 4	V204,V301	SV có stt từ 1-60: V204; từ 61 trở đi: V301
4	Nguyên lý kế toán(1.3) 4	L4.FACC 0111	116	27/5	18/6	Ca 3	V202,V203	SV có stt từ 1-60: V202; từ 61 trở đi: V203
5	Nguyên lý kế toán(1.3) 5	L5.FACC 0111	115	27/5	18/6	Ca 3	V204,V301	SV có stt từ 1-60: V204; từ 61 trở đi: V301
6	Nguyên lý kế toán(1.3) 6	L6.FACC 0111	119	27/5	18/6	Ca 4	V202,V203	SV có stt từ 1-60: V202; từ 61 trở đi: V203
7	Nguyên lý kế toán(1.3) 8	L8.FACC 0111	109	27/5	26/6	Ca 3	V704,V303	SV có stt từ 1-60: V704; từ 61 trở đi: V303
8	Nguyên lý kế toán(1.3) 9	L9.FACC 0111	110	27/5	26/6	Ca 3	V102,V304	SV có stt từ 1-50: V102; từ 51 trở đi: V304
9	Nguyên lý kế toán(1.3) 10	L10.FACC 0111	112	27/5	26/6	Ca 4	V201,V202	SV có stt từ 1-60: V201; từ 61 trở đi: V202
10	Nguyên lý kế toán(1.3) 11	L11.FACC 0111	62	27/5	26/6	Ca 4	V203	
11	Nguyên lý kế toán(1.3) 12	L12.FACC 0111	119	27/5	23/6	Ca 3	V104,V201	SV có stt từ 1-60: V104; từ 61 trở đi: V201
12	Nguyên lý kế toán(1.3) 13	L13.FACC 0111	111	27/5	23/6	Ca 3	V202,V203	SV có stt từ 1-60: V202; từ 61 trở đi: V203
13	Nguyên lý kế toán(1.3) 14	L14.FACC 0111	118	27/5	23/6	Ca 4	V103,V104	SV có stt từ 1-60: V103; từ 61 trở đi: V104
<b>10, Học phần: Nhập môn tài chính tiền tệ(1.2) - 2 tín chỉ</b>								
1	Nhập môn tài chính tiền tệ (1.2) 1	L1.EFIN 0111	119	27/5	25/6	Ca 3	V101,V103	SV có stt từ 1-60: V101; từ 61 trở đi: V103
2	Nhập môn tài chính tiền tệ(1.2) 2	L2.EFIN 0111	115	27/5	25/6	Ca 3	V104,V201	SV có stt từ 1-60: V104; từ 61 trở đi: V201
3	Nhập môn tài chính tiền tệ(1.2) 3	L3.EFIN 0111	113	27/5	25/6	Ca 4	V101,V103	SV có stt từ 1-60: V101; từ 61 trở đi: V103
4	Nhập môn tài chính tiền tệ(1.2) 5	L5.EFIN 0111	120	27/5	18/6	Ca 3	V303,V304	SV có stt từ 1-60: V303; từ 61 trở đi: V304
5	Nhập môn tài chính tiền tệ(1.2) 6	L6.EFIN 0111	120	27/5	18/6	Ca 3	V401,V402	SV có stt từ 1-60: V401; từ 61 trở đi: V402
6	Nhập môn tài chính tiền tệ(1.2) 7	L7.EFIN 0111	118	27/5	25/6	Ca 4	V104,V201	SV có stt từ 1-60: V104; từ 61 trở đi: V201
<b>11, Học phần: Lịch sử Đảng cộng sản Việt nam - 2 tín chỉ</b>								
1	Lịch sử Đảng CSVN 1	L1.LCTH 0211	120	27/5	23/6	Ca 3	V204,V301	SV có stt từ 1-60: V204; từ 61 trở đi: V301
2	Lịch sử Đảng CSVN 2	L2.LCTH 0211	118	27/5	23/6	Ca 3	V303,V304	SV có stt từ 1-60: V303; từ 61 trở đi: V304
3	Lịch sử Đảng CSVN 3	L3.LCTH 0211	103	27/5	23/6	Ca 4	V201,V202	SV có stt từ 1-50: V201; từ 51 trở đi: V202
4	Lịch sử Đảng CSVN 4	L4.LCTH 0211	120	27/5	26/6	Ca 3	V401,V402	SV có stt từ 1-60: V401; từ 61 trở đi: V402
5	Lịch sử Đảng CSVN 5	L5.LCTH 0211	117	27/5	26/6	Ca 3	V403,V404	SV có stt từ 1-60: V403; từ 61 trở đi: V404
6	Lịch sử Đảng CSVN 6	L6.LCTH 0211	120	27/5	26/6	Ca 4	V204,V301	SV có stt từ 1-60: V204; từ 61 trở đi: V301
7	Lịch sử Đảng CSVN 8	L8.LCTH 0211	115	27/5	17/6	Ca 3	V204,V301	SV có stt từ 1-60: V204; từ 61 trở đi: V301
8	Lịch sử Đảng CSVN 9	L9.LCTH 0211	115	27/5	17/6	Ca 3	V303,V304	SV có stt từ 1-60: V303; từ 61 trở đi: V304
9	Lịch sử Đảng CSVN 10	L10.LCTH 0211	112	27/5	17/6	Ca 4	V202,V203	SV có stt từ 1-60: V202; từ 61 trở đi: V203
10	Lịch sử Đảng CSVN 11	L11.LCTH 0211	82	27/5	17/6	Ca 4	H2	

TT	Lớp học phần	Mã lớp HP	SLSV	Ngày ôn	Ngày thi	Ca thi	Hội trường	Ghi chú
<b>12, Học phần: Kinh tế lượng - 3 tín chỉ</b>								
1	Kinh tế lượng 1	L1.AMAT 0911	120	27/5	27/6	Ca 3	V104,V201	SV có stt từ 1-60: V104; từ 61 trở đi: V201
2	Kinh tế lượng 2	L2.AMAT 0911	120	27/5	27/6	Ca 4	V101,V103	SV có stt từ 1-60: V101; từ 61 trở đi: V103
3	Kinh tế lượng 3	L3.AMAT 0911	120	27/5	20/6	Ca 3	V202,V203	SV có stt từ 1-60: V202; từ 61 trở đi: V203
4	Kinh tế lượng 4	L4.AMAT 0911	118	27/5	20/6	Ca 3	V204,V301	SV có stt từ 1-60: V204; từ 61 trở đi: V301
5	Kinh tế lượng 5	L5.AMAT 0911	120	27/5	20/6	Ca 4	V202,V203	SV có stt từ 1-60: V202; từ 61 trở đi: V203
6	Kinh tế lượng 9	L9.AMAT 0911	120	27/5	26/6	Ca 3	V501,V502	SV có stt từ 1-60: V501; từ 61 trở đi: V502
7	Kinh tế lượng 10	L10.AMAT 0911	120	27/5	26/6	Ca 3	V503,V504	SV có stt từ 1-60: V503; từ 61 trở đi: V504
8	Kinh tế lượng 11	L11.AMAT 0911	120	27/5	26/6	Ca 4	V502,V303	SV có stt từ 1-60: V502; từ 61 trở đi: V503
9	Kinh tế lượng 12	L12.AMAT 0911	120	27/5	19/6	Ca 3	V101,V103	SV có stt từ 1-60: V101; từ 61 trở đi: V103
10	Kinh tế lượng 13	L13.AMAT 0911	120	27/5	19/6	Ca 4	V101,V103	SV có stt từ 1-60: V101; từ 61 trở đi: V103
11	Kinh tế lượng 14	L14.AMAT 0911	120	27/5	17/6	Ca 3	V401,V402	SV có stt từ 1-60: V401; từ 61 trở đi: V402
12	Kinh tế lượng 15	L15.AMAT 0911	120	27/5	17/6	Ca 4	V204,V301	SV có stt từ 1-60: V204; từ 61 trở đi: V301
<b>13, Học phần: Tiếng Anh 1 thương mại - 2 tín chỉ</b>								
1	Tiếng Anh Tm 1	L1.ENTI 1611	61	27/5	19/6	Ca 3	V104	
2	Tiếng Anh Tm 2	L2.ENTI 1611	58	27/5	19/6	Ca 3	V201	
3	Tiếng Anh Tm 3	L3.ENTI 1611	56	27/5	19/6	Ca 3	V202	
4	Tiếng Anh Tm 4	L4.ENTI 1611	56	27/5	19/6	Ca 4	V104	
5	Tiếng Anh Tm 5	L5.ENTI 1611	54	27/5	19/6	Ca 4	V201	
6	Tiếng Anh Tm 6	L6.ENTI 1611	61	27/5	19/6	Ca 4	V202	
7	Tiếng Anh Tm 7	L7.ENTI 1611	61	27/5	23/6	Ca 3	V401	
8	Tiếng Anh Tm 8	L8.ENTI 1611	61	27/5	23/6	Ca 3	V402	
9	Tiếng Anh Tm 10	L10.ENTI 1611	63	27/5	23/6	Ca 3	V403	
10	Tiếng Anh Tm 11	L11.ENTI 1611	62	27/5	23/6	Ca 4	V203	
11	Tiếng Anh Tm 12	L12.ENTI 1611	60	27/5	23/6	Ca 4	V204	
12	Tiếng Anh Tm 13	L13.ENTI 1611	60	27/5	18/6	Ca 3	V403	
13	Tiếng Anh Tm 14	L14.ENTI 1611	60	27/5	18/6	Ca 3	V404	
14	Tiếng Anh Tm 15	L15.ENTI 1611	48	27/5	18/6	Ca 3	V501	
15	Tiếng Anh Tm 16	L16.ENTI 1611	58	27/5	18/6	Ca 3	V502	
16	Tiếng Anh Tm 17	L17.ENTI 1611	60	27/5	18/6	Ca 4	V204	
17	Tiếng Anh Tm 18	L18.ENTI 1611	56	27/5	18/6	Ca 4	V301	
18	Tiếng Anh Tm 19	L19.ENTI 1611	54	27/5	18/6	Ca 4	V303	
19	Tiếng Anh Tm 20	L20.ENTI 1611	61	27/5	20/6	Ca 3	V303	
20	Tiếng Anh Tm 21	L21.ENTI 1611	52	27/5	20/6	Ca 3	V304	
21	Tiếng Anh Tm 22	L22.ENTI 1611	54	27/5	20/6	Ca 3	V401	
22	Tiếng Anh Tm 23	L23.ENTI 1611	59	27/5	20/6	Ca 4	V204	
23	Tiếng Anh Tm 25	L25.ENTI 1611	50	27/5	20/6	Ca 4	V301	
24	Tiếng Anh Tm 26	L26.ENTI 1611	55	27/5	16/6	Ca 3	V303	
25	Tiếng Anh Tm 27	L27.ENTI 1611	55	27/5	16/6	Ca 3	V304	
26	Tiếng Anh Tm 28	L28.ENTI 1611	47	27/5	16/6	Ca 4	V103	
27	Tiếng Anh Tm 30	L30.ENTI 1611	55	27/5	16/6	Ca 4	V104	
28	Tiếng Anh Tm 31	L31.ENTI 1611	60	27/5	24/6	Ca 3	V401	
29	Tiếng Anh Tm 32	L32.ENTI 1611	60	27/5	24/6	Ca 3	V402	

TT	Lớp học phần	Mã lớp HP	SLSV	Ngày ôn	Ngày thi	Ca thi	Hội trường	Ghi chú
30	Tiếng Anh Tm 33	L33.ENTI 1611	60	27/5	24/6	Ca 3	V403	
31	Tiếng Anh Tm 34	L34.ENTI 1611	60	27/5	24/6	Ca 3	V404	
32	Tiếng Anh Tm 35	L35.ENTI 1611	60	27/5	24/6	Ca 4	V303	
33	Tiếng Anh Tm 36	L36.ENTI 1611	60	27/5	24/6	Ca 4	V304	
34	Tiếng Anh Tm 37	L37.ENTI 1611	55	27/5	24/6	Ca 4	V401	
35	Tiếng Anh Tm 39	L39.ENTI 1611	60	27/5	25/6	Ca 3	V202	
36	Tiếng Anh Tm 40	L40.ENTI 1611	60	27/5	25/6	Ca 3	V203	
37	Tiếng Anh Tm 41	L41.ENTI 1611	60	27/5	25/6	Ca 3	V204	
38	Tiếng Anh Tm 42	L42.ENTI 1611	58	27/5	25/6	Ca 4	V202	
39	Tiếng Anh Tm 43	L43.ENTI 1611	47	27/5	25/6	Ca 4	V203	
<b>14, Học phần: Tiếng Trung 1 thương mại - 2 tín chỉ</b>								
1	Tiếng Trung TM 1	L1.CHIN 1011	50	27/5	25/6	Ca 4	V204	
2	Tiếng Trung TM 2	L2.CHIN 1011	60	27/5	17/6	Ca 3	V403	
3	Tiếng Trung TM 3	L3.CHIN 1011	55	27/5	20/6	Ca 3	V402	
<b>15, Học phần: Lý thuyết xác suất và thống kê toán(1.3) - 3 tín chỉ</b>								
1	LT xác suất & TKT(1.3) 1	L1.FMAT 0511	120	27/5	24/6	Ca 3	V501,V502	SV có stt từ 1-60: V501; từ 61 trở đi: V502
2	LT xác suất & TKT(1.3) 2	L2.FMAT 0511	83	27/5	24/6	Ca 3	H2	
3	LT xác suất & TKT (1.3)3	L3.FMAT 0511	82	27/5	24/6	Ca 4	H2	
4	LT xác suất & TKT(1.3) 4	L4.FMAT 0511	120	27/5	24/6	Ca 4	V403,V404	SV có stt từ 1-60: V403; từ 61 trở đi: V404
<b>16, Học phần: Thương mại điện tử căn bản - 2 tín chỉ</b>								
1	Thương mại điện tử CB 1	L1.eCOM 0111	112	27/5	19/6	Ca 3	V203,V204	SV có stt từ 1-60: V203; từ 61 trở đi: V204
2	Thương mại điện tử CB 2	L2.eCOM 0111	120	27/5	26/6	Ca 3	V601,V602	SV có stt từ 1-60: V601; từ 61 trở đi: V602
3	Thương mại điện tử CB 3	L3.eCOM 0111	117	27/5	26/6	Ca 4	V304,V401	SV có stt từ 1-60: V304; từ 61 trở đi: V401
4	Thương mại điện tử CB 5	L5.eCOM 0111	117	27/5	25/6	Ca 3	V301,V303	SV có stt từ 1-60: V301; từ 61 trở đi: V303
5	Thương mại điện tử CB 6	L6.eCOM 0111	120	27/5	25/6	Ca 3	V304,V401	SV có stt từ 1-60: V304; từ 61 trở đi: V401
6	Thương mại điện tử CB 7	L7.eCOM 0111	77	27/5	25/6	Ca 4	H2	
<b>17, Học phần: Hệ thống thông tin quản trị - 2 tín chỉ</b>								
1	Hệ thống thông tin quản trị 1	L1.INFO 0611	142	27/5	27/6	Ca 3	V202,V203	SV có stt từ 1-70: V202; từ 71 trở đi: V203
2	Hệ thống thông tin quản trị 3	L3.INFO 0611	120	27/5	27/6	Ca 4	V104,V201	SV có stt từ 1-60: V104; từ 61 trở đi: V201
<b>18, Học phần: Nguyên lý thống kê kinh tế (1.3) - 3 tín chỉ</b>								
1	Nguyên lý thống kê kinh tế (1.3) 1	L1.ANST 0211	111	27/5	26/6	Ca 4	V402,V403	SV có stt từ 1-60: V402; từ 61 trở đi: V403
2	Nguyên lý thống kê kinh tế (1.3) 2	L2.ANST 0211	110	27/5	26/6	Ca 4	V404,V501	SV có stt từ 1-60: V404; từ 61 trở đi: V501
3	Nguyên lý thống kê kinh tế (1.3) 3	L3.ANST 0211	110	27/5	26/6	Ca 3	V603,V604	SV có stt từ 1-60: V603; từ 61 trở đi: V604
4	Nguyên lý thống kê kinh tế (1.3) 4	L4.ANST 0211	109	27/5	26/6	Ca 3	V701,V702	SV có stt từ 1-60: V701; từ 61 trở đi: V702
5	Nguyên lý thống kê kinh tế (1.3) 5	L5.ANST 0211	120	27/5	23/6	Ca 3	V404,V501	SV có stt từ 1-60: V404; từ 61 trở đi: V501
6	Nguyên lý thống kê kinh tế (1.3) 6	L6.ANST 0211	120	27/5	23/6	Ca 3	V502,V503	SV có stt từ 1-60: V502; từ 61 trở đi: V503
7	Nguyên lý thống kê kinh tế (1.3) 7	L7.ANST 0211	112	27/5	23/6	Ca 4	V301,V303	SV có stt từ 1-60: V301; từ 61 trở đi: V303
<b>19, Học phần: Quản trị chiến lược (1.2) - 2 tín chỉ</b>								
1	Quản trị chiến lược(1.2) 1	L1.SMG M 0211	243	27/5	25/6	Ca 3	H1	03 phòng
2	Quản trị chiến lược(1.2) 3	L3.SMG M 0211	207	27/5	25/6	Ca 4	H1	03 phòng
<b>20, Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh - 2 tín chỉ</b>								
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh 1	L1.LCTH 0311	120	27/5	16/6	Ca 3	V401,V402	SV có stt từ 1-60: V401; từ 61 trở đi: V402
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh 2	L2.LCTH 0311	120	27/5	16/6	Ca 3	V403,V404	SV có stt từ 1-60: V403; từ 61 trở đi: V404

TT	Lớp học phần	Mã lớp HP	SLSV	Ngày ôn	Ngày thi	Ca thi	Hội trường	Ghi chú
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh 3	L3.LCTH 0311	72	27/5	16/6	Ca 4	V201	
<b>21, Học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học - 2 tín chỉ</b>								
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	L1.LCTH 0111	57	27/5	24/6	Ca 3	V503	
<b>22, Học phần: Quản lý Nhà nước về thương mại - 2 tín chỉ</b>								
1	Quản lý Nhà nước về TM	L1.TECO 0511	63	27/5	25/6	Ca 3	V402	
<b>23, Học phần: Tiếng Pháp 1 thương mại - 2 tín chỉ</b>								
1	Tiếng Pháp TM	L1.FREN 1011	62	27/5	26/6	Ca 3	V703	
<b>24, Học phần: Kinh tế chính trị (2) - 2 tín chỉ</b>								
1	Kinh tế chính trị (2)	L1.PECO 0211	60	27/5	27/6	Ca 3	V204	
<b>25, Học phần: Quản trị nhân lực 1.3 - 3 tín chỉ</b>								
1	Quản trị nhân lực 1.3	L1.CEMG 0111	120	27/5	27/6	Ca 3	V303,V304	SV có stt từ 1-60: V303; từ 61 trở đi: V304
2	Quản trị nhân lực 1.3	L2.CEMG 0111	120	27/5	27/6	Ca 3	V401,V402	SV có stt từ 1-60: V401; từ 61 trở đi: V402
3	Quản trị nhân lực 1.3	L3.CEMG 0111	120	27/5	27/6	Ca 4	V202,V203	SV có stt từ 1-60: V202; từ 61 trở đi: V203
<b>II. HỌC PHẦN TỰ CHỌN PHÁT TRIỂN NỀN KIẾN THỨC NGÀNH</b>								
<b>Nhóm 1</b>								
<b>1, Học phần: Các phương pháp toán kinh tế (1.3) - 3 tín chỉ</b>								
TT	Lớp học phần	Mã lớp HP	SL SV	Ngày ôn	Ngày thi	Ca thi	Hội trường	Ghi chú
1	Các phương pháp toán kinh tế (1.3) 1	L1.AMAT 0721	120	27/5	10/6	Ca 3	V101,V103	SV có stt từ 1-60: V101; từ 61 trở đi: V103
2	Các phương pháp toán kinh tế (1.3) 2	L2.AMAT 0721	118	27/5	10/6	Ca 4	V101,V103	SV có stt từ 1-60: V101; từ 61 trở đi: V103
<b>2, Học phần: Nguyên lý thống kê kinh tế (1.2) - 2 tín chỉ</b>								
1	Nguyên lý thống kê kinh tế (1.2)	L1.ANST 0321	122	27/5	10/6	Ca 3	V104,V201	SV có stt từ 1-60: V104; từ 61 trở đi: V201
<b>3, Học phần: Quản trị công nghệ - 2 tín chỉ</b>								
1	Quản trị công nghệ 1	L1.QMGM 0221	120	27/5	10/6	Ca 3	H1	02 phòng
2	Quản trị công nghệ 2	L2.QMGM 0221	238	27/5	10/6	Ca 4	H1	03 phòng
<b>4, Học phần: Thị trường chứng khoán (1.2) - 2 tín chỉ</b>								
1	Thị trường chứng khoán (1.2) 1	L1.BKSC 0121	120	27/5	10/6	Ca 3	V202,V203	SV có stt từ 1-60: V202; từ 61 trở đi: V203
2	Thị trường chứng khoán (1.2) 2	L2.BKSC 0121	120	27/5	10/6	Ca 4	V202,V203	SV có stt từ 1-60: V202; từ 61 trở đi: V203
3	Thị trường chứng khoán (1.2) 3	L3.BKSC 0121	120	27/5	10/6	Ca 3	V204,V301	SV có stt từ 1-60: V204; từ 61 trở đi: V301
4	Thị trường chứng khoán (1.2) 4	L4.BKSC 0121	120	27/5	10/6	Ca 4	V204,V301	SV có stt từ 1-60: V204; từ 61 trở đi: V301
5	Thị trường chứng khoán (1.2) 5	L5.BKSC 0121	120	27/5	10/6	Ca 3	V404,V303	SV có stt từ 1-60: V404; từ 61 trở đi: V303
<b>5, Học phần: Lý thuyết tài chính - tiền tệ quốc tế - 2 tín chỉ</b>								
1	Lý thuyết tài chính - tiền tệ quốc tế	L1.FMGM 0621	100	27/5	10/6	Ca 4	V104,V201	SV có stt từ 1-60: V104; từ 61 trở đi: V201
<b>6, Học phần: Kinh tế doanh nghiệp thương mại, dịch vụ - 2 tín chỉ</b>								
1	Kinh tế doanh nghiệp thương mại, dịch vụ 1	L1.BMGM 1021	120	27/5	10/6	Ca 3	V304,V401	SV có stt từ 1-60: V304; từ 61 trở đi: V401
2	Kinh tế doanh nghiệp thương mại, dịch vụ 2	L2.BMGM 1021	121	27/5	10/6	Ca 4	V304,V401	SV có stt từ 1-60: V304; từ 61 trở đi: V401
<b>7, Học phần: Quản trị học (1.2) - 2 tín chỉ</b>								
1	Quản trị học (1.2)	L1.BMGM 0221	118	27/5	10/6	Ca 4	V404,V303	SV có stt từ 1-60: V404; từ 61 trở đi: V303
<b>8, Học phần: Marketing căn bản (1.2) - 2 tín chỉ</b>								
1	Marketing căn bản (1.2)	L1.BMKT 0221	144	27/5	10/6	Ca 3	V402,V403	SV có stt từ 1-75: V402; từ 76 trở đi: V403
<b>9, Học phần: Nguyên lý kế toán (1.2) - 2 tín chỉ</b>								
1	Nguyên lý kế toán (1.2)	L1.FACC 0221	80	27/5	10/6	Ca 4	H2	

TT	Lớp học phần	Mã lớp HP	SLSV	Ngày ôn	Ngày thi	Ca thi	Hội trường	Ghi chú
<b>Nhóm 2</b>								
<b>1, Học phần: Tài nguyên du lịch - 1 tín chỉ</b>								
1	Tài nguyên du lịch 1	L1.TMKT 0321	120	27/5	13/6	Ca 3	V101,V103	SV có stt từ 1-60: V101; từ 61 trở đi: V103
2	Tài nguyên du lịch 2	L2.TMKT 0321	137	27/5	13/6	Ca 4	V101,V103	SV có stt từ 1-70: V101; từ 71 trở đi: V103
<b>2, Học phần: WTO và phát triển thương mại Việt Nam - 1 tín chỉ</b>								
1	WTO và phát triển thương mại Việt Nam 1	L1.ITOM 0321	110	27/5	13/6	Ca 3	V104,V201	SV có stt từ 1-60: V104; từ 61 trở đi: V201
2	WTO và phát triển thương mại Việt Nam 2	L2.ITOM 0321	110	27/5	13/6	Ca 4	V104,V201	SV có stt từ 1-60: V104; từ 61 trở đi: V201
3	WTO và phát triển thương mại Việt Nam 3	L3.ITOM 0321	101	27/5	13/6	Ca 3	V202,V203	SV có stt từ 1-60: V202; từ 61 trở đi: V203
<b>3, Học phần: Kinh tế thương mại các nước ASEAN - 1 tín chỉ</b>								
1	Kinh tế thương mại các nước ASE	L1.TECO 0421	79	27/5	13/6	Ca 3	H2	
<b>4, Học phần: Tổng quan thương mại dịch vụ - 1 tín chỉ</b>								
1	Tổng quan thương mại dịch vụ	L1.TECO 0721	155	27/5	13/6	Ca 4	V204,V301	SV có stt từ 1-80: V204; từ 81 trở đi: V301
<b>5, Học phần: Tổng quan thương mại các hoạt động đầu tư - 1 tín chỉ</b>								
1	Tổng quan thương mại các hoạt động đầu tư 1	L1.FMGGM 0121	108	27/5	13/6	Ca 3	V303,V304	SV có stt từ 1-60: V303; từ 61 trở đi: V304
2	Tổng quan thương mại các hoạt động đầu tư 2	L2.FMGGM 0121	108	27/5	13/6	Ca 4	V303,V304	SV có stt từ 1-60: V303; từ 61 trở đi: V304
<b>6, Học phần: Kinh tế quốc tế (1) - 1 tín chỉ</b>								
1	Kinh tế quốc tế (1) 1	L1.FECO 0421	120	27/5	13/6	Ca 3	V401,V402	SV có stt từ 1-60: V401; từ 61 trở đi: V402
2	Kinh tế quốc tế (1) 2	L2.FECO 0421	120	27/5	13/6	Ca 4	V401,V402	SV có stt từ 1-60: V401; từ 61 trở đi: V402
3	Kinh tế quốc tế (1) 3	L3.FECO 0421	119	27/5	13/6	Ca 3	V403,V404	SV có stt từ 1-60: V403; từ 61 trở đi: V404
4	Kinh tế quốc tế (1) 4	L4.FECO 0421	119	27/5	13/6	Ca 4	V403,V404	SV có stt từ 1-60: V403; từ 61 trở đi: V404
<b>7, Học phần: Kinh tế phát triển (1) - 1 tín chỉ</b>								
1	Kinh tế phát triển (1) 1	L1.FECO 0621	120	27/5	13/6	Ca 3	V501,V502	SV có stt từ 1-60: V501; từ 61 trở đi: V502
2	Kinh tế phát triển (1) 2	L2.FECO 0621	133	27/5	13/6	Ca 4	V501,V502	SV có stt từ 1-60: V501; từ 61 trở đi: V502
<b>8, Học phần: Toán tài chính - 1 tín chỉ</b>								
1	Toán tài chính	L1.FMGGM 0821	81	27/5	13/6	Ca 4	H2	

**Thời gian thi : Buổi chiều**

**Ca 3 Từ 12h30**

**Ca 4 Từ 15h10**

+ Danh sách lớp thi các HP khóa 42 Phòng Đào Tạo lập danh sách lớp HP. Đề nghị các Khoa thông báo cho sinh viên của khoa mình để sinh viên đến đúng giờ thi, phòng thi.

+ Đề nghị các Bộ môn gửi Bảng xét điều kiện dự thi về học tập ngay sau khi kết thúc HP, các Khoa gửi danh sách sinh viên chưa nộp học phí 1 tuần trước kỳ thi cho Phòng Đào tạo.

+ Vì hội trường bố trí 2 ca thi, đề nghị các Bộ môn và các lớp thi thực hiện đúng giờ quy định để không ảnh hưởng đến ca thi sau.

Trên đây là lịch thi học kỳ II năm học 2007 - 2008 của sinh viên K42. Nếu có điều gì vướng mắc, đề nghị các bộ phận có liên quan phản ánh cho Phòng Đào tạo (Nhà U1) để kịp thời giải quyết.

KT.HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

**TS Bùi Xuân Nhàn**